

Số: 207 /BC-SCT

Quảng Trị, ngày 25 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 02 NĂM 2020

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Bước sang tháng 2/2020, hoạt động sản xuất công nghiệp bị gián đoạn trong và sau dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02 giảm mạnh (-10,45%) so với tháng trước và tăng cao (+18,06%) so với tháng cùng kỳ năm trước¹. Tính từ đầu năm 2020, chỉ số sản xuất công nghiệp đạt mức tăng 11,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 17,82%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,77%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 13,62%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,57% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 2/2020, một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Tấm lợp pro xi măng tăng 62,23%; dăm gỗ tăng 38,56%; quần áo may sẵn tăng 35,17%; quặng inmenit và tinh quặng inmenit tăng 23,79%; lốp xe các loại tăng 21,55%; xi măng tăng 20,40%; điện thương phẩm tăng 19,61%; đá xây dựng 18,8%; bia lon tăng 15,38%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Tinh bột sắn giảm 8,56%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 7,37%; colophan và axit nhựa cây giảm 5,66% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và giá cả

Tháng 2/2020 trong và sau dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, các hoạt động kinh doanh thương mại diễn ra khá trầm lắng, nhu cầu mua sắm của người dân không tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02/2020 ước đạt 2.452,72 tỷ đồng, giảm 15,28% so với tháng trước và tăng 4,55% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.134,77 tỷ đồng, giảm 16,07% so với tháng trước và tăng 6,06% so với tháng cùng kỳ năm trước.

¹ Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng lần lượt là 18,84% và 20,59% so với tháng cùng kỳ năm trước; ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải và ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí lần lượt tăng 11,29% và 1,7% so với tháng cùng kỳ năm trước.

- Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 216,41 tỷ đồng, giảm 7,21%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 1,01 tỷ đồng, giảm 62,43%; dịch vụ khác ước đạt 100,53 tỷ đồng, tăng 3,43% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn hai tháng đầu năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 5.347,69 tỷ đồng, tăng 7,16% so với cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với Thường trực Tỉnh ủy, Bộ trưởng Bộ Công Thương về tình hình phát triển ngành Công Thương và các dự án năng lượng tái tạo; Làm việc với Đoàn công tác của Bộ Công Thương về Chương trình điện nông thôn trên địa bàn. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020.

- Tổng hợp báo cáo cụm công nghiệp; Xây dựng Báo cáo thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam giai đoạn đến năm 2030; Báo cáo đánh giá 02 năm thực hiện Luật hỗ trợ doanh nghiệp; Tổng hợp danh sách doanh nghiệp, cơ sở kinh tế thực hiện điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức lớp đào tạo Sơ cấp khoan nổ mìn, huấn luyện kỹ thuật an toàn hoá chất cho các đơn vị; Triển khai tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2020. Hướng dẫn đăng ký tham gia Chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ năm 2021; Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu lần thứ 5 năm 2020.

- Rà soát kế hoạch vốn năm 2019 nhưng chưa giải ngân hết; Trình phê duyệt và triển khai dự toán công trình Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ; Kiện toàn Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 - 2020.

- Đề xuất thực hiện giải pháp cải thiện chỉ số tiếp cận điện năng. Hoàn chỉnh hồ sơ bổ sung Dự án Nhà máy điện gió Hoàng Hải; Hướng Phùng 7 vào Quy hoạch phát triển điện lực.

- Đề xuất hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại năm 2020. Công tác xúc tiến thương mại trong bối cảnh ứng phó dịch bệnh Covid -19; Tiếp tục công tác dự trữ hàng hóa phục vụ cân đối cung cầu và bình ổn thị trường trong và sau dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020.

- Tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh dược phẩm, vật tư, thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh; Khảo sát thực địa địa điểm đề xuất đầu tư xây dựng Khu kinh doanh dịch vụ tổng hợp, cửa hàng xăng dầu và thương mại dịch vụ tại địa bàn các huyện. Rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị định 14/2018/NĐ-CP của Chính phủ về đề xuất các giải pháp phát triển hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2020; Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính của Sở năm 2020. Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Giám định viên tư pháp; Tăng cường tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về các vấn đề dư luận xã hội quan tâm; Tham mưu trả lời ý kiến cử tri sau kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV và báo cáo của Đoàn ĐBQH tỉnh.

- Ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở; Ban hành và triển khai Kế hoạch liên quan công tác cải cách hành chính; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công năm 2020; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Văn hoá công vụ của Sở Công Thương; phổ biến thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh; Công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử; Phối hợp tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở.

- Tổng hợp kết quả thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP; Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2019; Báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019. Thống kê kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019.

IV. Một số công tác trọng tâm tháng 3 năm 2020

- Tổng kết công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 của các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực. Đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2020 ngay từ tháng đầu năm.

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung cam kết thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đề xuất nội dung theo Chương trình hành động của UBND tỉnh về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Sở Công Thương.

- Thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2020; Trình Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2020.

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1, Nhà máy nhiệt điện khí của GazProm; Khảo sát, đánh giá năng lực sản xuất công nghiệp mới tăng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung chuẩn bị, tổ chức lớp đào tạo Sơ cấp khoan nổ mìn cho các đơn vị sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn trong kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thực hiện thủ tục triển khai các gói thầu thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị theo kế hoạch vốn bố trí năm 2020; Xây dựng Đề cương nhiệm vụ Đề án “Cánh đồng điện gió” tỉnh Quảng Trị.

- Trình ban hành Kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng của tỉnh năm 2020; Kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại và hàng giả năm 2020; Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển thương mại biên giới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

- Triển khai thực hiện Quyết định 157/QĐ-SCT ngày 19/12/2019 của Giám đốc Sở Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính cơ quan Sở và đơn vị trực thuộc; Tham mưu nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện.

- Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở năm 2020; Kế hoạch tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở. Lập dự toán các hoạt động chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại; công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 02 năm 2020 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 3 năm 2020; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Hưng

SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 01/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 02 và 02 tháng năm 2019

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 01/2020		Dự ước tháng 02/2020			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2020 so với tháng 02/2019
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	140,52	106,14	125,97	89,65	118,06	111,46
1. Công nghiệp khai khoáng	100,01	117,11	71,34	71,33	118,84	117,82
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	145,44	103,31	129,14	88,79	120,59	110,77
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	152,85	116,00	149,37	97,72	111,29	113,62
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	99,13	103,62	115,84	116,86	101,70	102,57

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 02/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 02 và 02 tháng năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1261	666	1927	538	1453	52,86%	123,79%	132,63%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	647	408	1055	387	924	63,01%	105,28%	114,19%
3	Đá xây dựng	M3	51712	45646	97358	38423	86752	88,27%	118,80%	112,23%
4	Tinh bột sắn	Tấn	8980	7236	16217	7913	18748	80,58%	91,44%	86,50%
5	Bia lon	1000 lít	1950	750	2700	650	2064	38,46%	115,38%	130,81%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1084	880	1964	780	2086	81,18%	112,82%	94,15%
7	Quần áo may sẵn	1000 cái	1136	1290	2427	955	2131	113,54%	135,17%	113,90%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6429	6273	12702	6772	13007	97,57%	92,63%	97,65%
9	Dăm gỗ	Tấn	21845	21469	43314	15495	41603	98,28%	138,56%	104,11%
10	Ván ép	M3	15266	16000	31266	15502	34836	104,81%	103,21%	89,75%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	260	250	510	265	667	96,15%	94,34%	76,46%
12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	5288	4200	9488	3815	11565	79,43%	110,09%	82,04%

13	Lốp xe các loại	1000 cái	199	220	419	181	397	110,59%	121,55%	105,54%
14	Săm xe các loại	1000 cái	392	380	772	349	796	96,99%	108,88%	96,98%
15	Xi măng	Tấn	15150	15720	30870	13057	27001	103,76%	120,40%	114,33%
16	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	315	287	602	177	418	91,09%	162,23%	144,18%
17	Điện sản xuất	Triệu KWh	50	47	97	45	90	93,96%	104,05%	107,37%
18	Điện thương phẩm	Triệu KWh	60	61	121	51	100	101,84%	119,61%	120,78%
19	Nước máy	1000 m3	999	1170	2169	1166	2104	117,17%	100,34%	103,08%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2894,97	2452,72	5347,69	2345,90	4990,30	84,72%	104,55%	107,16%
	Phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng								
1	Bán lẻ hàng hóa	"	2541,96	2134,77	4676,73	2012,80	4319,11	83,93%	106,06%	108,28%
2	Dịch vụ lưu trú, ăn uống		240,69	216,41	457,10	233,22	471,23	89,91%	92,79%	97,00%
4	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	1,99	1,01	3,00	2,69	5,54	47,88%	37,57%	54,15%
5	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	110,33	100,53	210,86	97,19	194,41	91,11%	103,43%	108,46%